

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 28/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VỖ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thực, cán bộ hưu xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ.
2. Ông Nguyễn Thế Sách, cán bộ hưu xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2019/QĐXX-DSST ngày 11 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐST-DS ngày 22/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966. (có mặt)

Cư trú: Xóm Mận, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Thu Thị L, sinh năm 1979. (có mặt)

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. (ủy quyền cho chị L)

Địa chỉ: Thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn Sao, sinh năm 1964. (đề nghị vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị Hương, sinh năm 1967. (ủy quyền cho ông Sao)

Đều cư trú: Thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Cụ Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1944. (ủy quyền cho ông Tòng)

4. Ông Nguyễn Văn Tòng, sinh năm 1950. (đề nghị vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Bà Phạm Thị Toán, sinh năm 1962. (có mặt)

Cư trú: Thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn, lời khai của bị đơn, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.

Phía bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà với vợ chồng chị Chu Thị L, anh Nguyễn Văn H người thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Qué Võ, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ quen biết nhau do bà buôn bán quần áo ở bên xã Chi Lăng cũng khoảng hơn 10 năm nay. Do làm ăn buôn bán bên đó cũng đã lâu và bà cũng có cho một số người quen bên xã Chi Lăng vay tiền để họ làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nên khi vợ chồng chị L, anh H có nhu cầu vay tiền hỏi vay của bà và bà cũng đã thu xếp cho vợ chồng chị L vay tiền vào năm 2016. Cụ thể ngày 26/01/2016 vợ chồng chị L có sang nhà bà hỏi vay tiền, khi đó có hai vợ chồng chị L cùng sang và hỏi vay của bà số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) và bà đã nhất trí cho vợ chồng chị L vay với thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng nhưng chỉ thống nhất miệng với nhau chứ không ghi vào giấy vay tiền. Về thời hạn vay thì hai bên cũng không có thỏa thuận cụ thể mà chỉ thống nhất là khi nào bà cần thì đòi hoặc khi nào phía chị L có tiền thì trả. Sau đó đến ngày 27/3/2016 vợ chồng chị L lại sang hỏi vay của bà số tiền 500.000.000 đồng nữa (Năm trăm triệu đồng) và bà cũng lại cho vay cũng với thỏa thuận như lần vay ngày 26/01/2016. Sau khi thống nhất việc vay tiền như trên bà đã giao toàn bộ số tiền 01 tỷ đồng cho chị L, anh H. Tiền giao ở tại nhà bà, khi giao tiền hai bên có làm giấy vay tiền như nội dung giấy mà bà đã cung cấp cho Tòa án.

Đối với việc thế chấp tài sản bà Th trình bày: Lần vay ngày 26/01/2016 phía vợ chồng chị L có thỏa thuận thế chấp cho bà 01 sổ đỏ đất của ông Bùi Văn Sao diện tích đất 171m² ở thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Qué Võ. Lần vay ngày 27/3/2016 vợ chồng chị L lại thế chấp cho bà sổ đỏ đất của nhà ông Nguyễn Văn Mậu cũng ở thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng diện tích đất 240m². Khi nhận thế chấp bà có hỏi vợ chồng chị L là ý kiến của ông Sao, ông Mậu như thế nào thì chị L có nói là việc thế chấp đã được sự nhất trí của cả hai ông. Tuy nhiên về hình thức thế chấp thì chỉ hai bên thỏa thuận với nhau chứ cũng không làm hợp đồng, không công chứng hay chứng thực gì. Bản thân bà cũng không biết và không gặp ông Mậu, ông Sao.

Sau khi vay tiền vợ chồng chị L không trả cho bà được một đồng tiền nào cả tiền lãi cũng như tiền gốc. Khoảng 05 tháng sau kể từ thời điểm cho vay khoản vay đầu tiên do phía vợ chồng chị L không trả tiền lãi nên bà đã đòi số tiền gốc đã cho vay nhưng vợ chồng chị L cũng không có tiền trả. Từ đó bà vẫn thường xuyên đòi nhưng vợ chồng chị L vẫn cố tình không trả bà số tiền đã vay.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị L, anh H phải trả bà số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 26/01/2016 và giấy vay tiền ngày 27/3/2016 với số tiền tổng cộng là 1.000.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/ tháng kể từ ngày vay đến khi Tòa án giải quyết vụ kiện. Sau đó bà Th đề nghị Tòa án giải quyết số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà Th cũng đề nghị Tòa án giải quyết xem xét thỏa thuận thế chấp giữa các bên như bà đã trình bày để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Chứng cứ để bảo vệ cho yêu cầu của bà Th, bà Th cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền lập ngày 26/01/2016 với số tiền vay 500.000.000 đồng, và giấy vay tiền lập ngày 27/3/2016 cũng với số tiền vay 500.000.000 đồng đều có chữ ký của chị L, anh H.

Phía chị Chu Thị L trình bày: Chị với bà Th có quan hệ quen biết với nhau đã lâu. Kể từ khoảng trước năm 2010 bà Th có buôn bán quần áo bên xã Chi Lăng và làm luôn việc cho vay nặng lãi, bà Th đã cho rất nhiều người bên xã Chi Lăng vay tiền. Kể từ khoảng năm 2008 đến 2013 chị cũng đã nhiều lần hỏi vay tiền của bà Th, cụ thể đã vay bao nhiêu lần và mỗi lần bao nhiêu tiền thì chị cũng không nhớ được. Khi đó bà Th cho vay lãi ngày và lấy tiền lãi hàng tháng, lãi ngày với mức lãi là 5000 đồng/ 1 triệu/ ngày. Khi vay thì hai bên cũng chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng chứ không có giấy tờ gì. Mỗi lần vay thì cũng chỉ có bà Th ghi vào quyển sổ của bà Th chứ cũng không làm giấy để chị giữ gì cả. Tổng cộng số tiền gốc chị vay của bà Th tính từ lúc đầu đến khoảng năm 2012 vào khoảng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đối với số tiền lãi thì bà Th cứ tính theo lãi suất là 5000 đồng/1 triệu/ 1 ngày để tính. Kể cả sau khi chót nợ bà Th lại tiếp tục tính lãi của khoản nợ đã chót làm cho lãi lại cH lãi.

Quá trình vay tiền của bà Th thì bà Th có nói với chị là cầm sổ đỏ để làm tin, bà Th cũng nói không nhất thiết phải là lấy sổ đỏ của vợ cH chị mà miễn là có sổ đỏ để đưa cho bà Th là được nên chị đã mượn sổ đỏ của một số người để đưa cho bà Th. Cụ thể, chị đã mượn sổ đỏ của ông Mậu (do ông Tòng đưa), sổ của ông Bùi Văn Sao và chị cũng mượn sổ tên ông Cao Văn Phong người thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng (sổ này do bà Phạm Thị Toán đưa cho chị) để cầm cho bà Th. Khi đưa sổ đỏ hai bên cũng không làm giấy tờ, thủ tục gì. Bà Th cũng không biết những người có tên trong sổ đỏ là ai.

Về việc trả tiền vay chị L khai chị không nhớ đã trả bà Th tiền như thế nào vì mỗi lần trả chỉ có bà Th ghi vào sổ còn chị không giữ giấy tờ gì.

Về các sổ đỏ thế chấp mà chị L đã đưa bà Th chị L khai: Hiện nay sổ đỏ của ông Mậu, của ông Sao bà Th vẫn đang giữ. Đối với sổ đỏ của ông Phong: Do sổ này chị mượn từ bà Toán nên khi bà Toán đòi sổ chị đã bảo bà Th trả lại cho chị. Lúc đầu bà Th có bảo với chị là chạy trả bà Th 20.000.000 đồng thì bà Th sẽ đưa trả sổ của ông Phong, nhưng sau đó bà Th không đưa cho, bà Th nói 30 triệu chị cũng nhất trí nhưng sau đó bà lại vẫn không đưa, chị chấp nhận đến 50 triệu bà Th cũng không nhất trí. Sau đó đến 80 triệu bà Th cũng không nhất trí mà cứ ép chị phải chạy đủ 200.000.000 đồng thì mới trả sổ của ông Phong, nhưng chị không nhất trí vì không thể chạy được số tiền lớn như vậy. Quá trình chị sang mặc cả với bà Th như vậy thì đều có cả bà Toán cùng sang và trực tiếp cùng thỏa thuận với bà Th. Sau đó do bà Th cứ ép phải trả 200 triệu đồng mới đưa trả sổ của ông Phong nên bà Toán đã phải đem số tiền 200.000.000 đồng sang đưa cho bà Th để lấy sổ về, về việc bà Toán trả bà Th 200.000.000 đồng thì chị không trực tiếp chứng kiến mà là do nghe bà Toán nói lại.

Nay chị vẫn giữ ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th vì vợ chồng chị không vay hai khoản tiền lớn như vậy. Bản thân bà Th cũng bị vỡ nợ từ năm 2013 nên năm 2016 cũng không thể nào có số tiền lớn như vậy để cho chị vay được.

Về căn cứ để chứng minh cho lời khai của mình, chị L không cung cấp được chứng cứ gì. Chị yêu cầu bà Th phải cung cấp quyền sở gốc ghi việc vay nợ trước đây giữa hai bên. Quyền sở đó mới ghi đúng số tiền mà chị vay mượn của bà Th.

Phía anh H khai: Việc vay mượn giữa chị L với bà Th anh không biết. Đối với 02 giấy vay nợ anh xác nhận có ký vào giấy nhưng do bà Th và chị L bảo anh ký thì anh cũng ký. Anh không thừa nhận có vay số tiền như bà Th kiện đòi.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Bà Toán trình bày: Năm 2012 khi đó bà làm hội phụ nữ của thôn nên có làm thủ tục cho các hộ dân trong thôn vay vốn của Ngân hàng. Khi đó anh Nguyễn Văn Đàn có đưa cho bà một sổ đỏ tên ông Cao Văn Phong để nhờ giúp vay vốn. Do chưa vay được nên sổ này bà vẫn giữ. Sau đó chị Chu Thị L là em dâu thúc bá của bà đã hỏi mượn sổ này để đem sang cầm cố cho bà Th vay tiền, bà cũng nhất trí còn việc vay mượn cụ thể như thế nào thì bà không biết. Khi cho mượn bà nói cho mượn 01 tháng nhưng sau đó chị L không mang trả, bà đợi 01 năm cũng không thấy chị L đem trả sổ nên ngày 12/10/2013 bà mới viết một giấy biên nhận mượn sổ đỏ để chị L ký vào.

Sau này đến khoảng tháng 2/2016 bà nghe được thông tin chị L cầm sổ của ông Phong cho bà Th với số nợ lên đến trên 600.000.000 đồng, cộng với việc anh Đàn luôn giục bà phải trả sổ đỏ nên bà đã giục chị L phải trả. Khi đó bà Th nói rằng sổ bà Th đã cầm bên thôn Núi (thuộc huyện Gia Bình) nếu lấy sổ về thì phải lo 200.000.000 đồng để trả nên bà với chị L đã bàn bạc và thống nhất lo tiền để lấy sổ tên ông Phong về. Cụ thể lần 01 bà đưa cho chị L số tiền 50 triệu để chị L lấy sổ về nhưng cũng không thấy chị L trả sổ. Sau đó bà lại chạy cho chị L 30 triệu nữa rồi cùng với chị L sang nhà bà Th trả để lấy sổ nhưng bà Th không trả mà nói phải chạy đủ 200.000.000 đồng thì mới trả sổ. Sau đó bà lại phải lo 120.000.000 đồng và bảo chị L cùng sang trả tiền lấy sổ nhưng chị L dứt khoát không đi nên bà đã phải cùng với con gái là chị Nguyễn Thị Nhâm mang sang trả và lấy sổ về. Khi đó bà Th nói là chị L còn nợ 400.000.000 đồng nữa nên yêu cầu bà với chị Nhâm phải ký giấy nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng thì mới trả sổ. Do bà bị áp lực phải trả sổ cho anh Đàn nên bà với chị Nhâm đã phải ký vào giấy nợ 400.000.000 đồng mà bà Th đã đã thảo sẵn.

Nay bà Th có yêu cầu chị L phải trả số nợ gốc 01 tỷ đồng, bà có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận vì bà Th là người chuyên cho vay nặng lãi và bà Th cũng không thể có số tiền lớn như vậy cho chị L vay được.

Ông Bùi Văn Sao, bà Phạm Thị Hương do ông Sao đại diện trình bày: Hiện tại vợ chồng ông đang được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27 đất thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất này đã được cấp sổ đỏ năm 2009 có số AB612855. Về lý do sổ đỏ này bà Th giữ thì ông cũng chỉ được biết là năm 2010 ông có cho ông Bùi Xuân Nhất là anh trai ông

mượn sổ, sau đó ông Nhật đưa cho chị L thế nào ông cũng không biết, sau đó chị L lại mang sổ sang cầm cho bà Th để vay tiền như thế nào ông cũng không biết. Nay ông xác định ông không có thỏa thuận gì với chị L, không có thỏa thuận gì với bà Th cả. Bà Th giữ sổ đỏ của vợ cH ông thì phải trả lại cho ông.

Ông Nguyễn Văn Tông trình bày: Ông là em trai ông Nguyễn Văn Mậu, ông Mậu đã mất từ năm 2006. Ông Mậu thì đi thoát ly không ở địa phương. Năm 2000 khi địa phương làm sổ đỏ đất do thừa đất ông đang ở là của bố mẹ để lại nên ông đã làm thủ tục tách làm hai, ông sử dụng một phần và một phần làm sổ đỏ cho ông Mậu. Sổ đỏ tên ông Mậu là sổ cấp cho diện tích đất 240m² đất tại thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, sổ có số vào sổ cấp giấy chứng nhận là 000742/QSD Đ/QĐ 333 QĐUBH ngày 29/10/2000. Sau khi làm xong sổ đỏ tên ông Mậu thì ông vẫn giữ sổ này. Vào khoảng năm nào ông cũng không nhớ, khi đó Ngân hàng có chương trình cho dân vay vốn nên chị L đã hỏi mượn sổ đỏ và ông đã cho chị L mượn sổ đỏ tên ông Mậu. Việc sau này chị L đem sổ sang cầm cho bà Th vay tiền thế nào ông không biết, ông không biết bà Th là ai, không có thỏa thuận gì với bà Th và với chị L về việc chị L cầm sổ cho bà Th cả. Nay sổ đỏ tên ông Mậu đang do bà Th giữ nên ông đề nghị bà Th phải trả lại ông sổ đỏ này.

Về thân nhân của ông Mậu, ông Tông trình bày: Bố mẹ ông sinh được 03 chị em, chị cả là bà Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1944, hiện bà Đào cũng đang ở thôn Mai Thôn, ông Mậu là thứ hai và ông là út. Bố mẹ ông đã mất từ lâu. Ông Mậu thì không có vợ con gì. Như vậy anh em hiện nay chỉ còn ông và bà Đào nên ông thay mặt cả bà Đào để giải quyết việc liên quan này.

Bà Nguyễn Thị Đào trình bày: Bà Đào cũng xác nhận nội dung ông Tông khai về quan hệ thân nhân của gia đình là đúng. Việc sổ đỏ vay mượn như thế nào bà không biết gì cả, bà cũng không liên quan gì. Nay mọi việc nếu có liên quan thì bà để cho ông Tông thay mặt bà giải quyết, bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đã trình bày trong thời gian chuẩn bị xét xử. Bà Th yêu cầu vợ cH chị L, anh H phải trả số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử. Chị L không chấp nhận yêu cầu của bà Th. Phía ông Tông, ông Sao, bà Hương đề nghị xử vắng mặt nhưng có yêu cầu bà Th phải trả lại sổ đỏ mà bà Th đang giữ. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới. Phía bà Th xác định không có sổ gốc ghi chép như phía chị L yêu cầu cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa có ý kiến về việc trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và phía đương sự trong vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng cũng như các đương sự có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm cần kiến nghị khắc phục. Về giải quyết vụ án: Phía bà Th cung cấp được chứng cứ là 02 giấy vay tiền có chữ ký của phía chị L, anh H. Chị L tại phiên tòa thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của chị và anh H. Phía chị L cho rằng số tiền ghi trong 02 giấy vay tiền không phải là tiền vay nhưng không có căn cứ để chứng minh nên cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc vợ cH chị L, anh H phải trả số tiền nợ gốc đã vay. Về tiền lãi do hai bên có tranh chấp về xác định mức lãi suất nên lãi suất được tính theo quy định của pháp luật và thời hạn tính lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ kiện. Về án phí; Yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vợ cH chị L, anh H phải chịu án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, phía chị L vẫn trình bày giữa vợ cH chị với bà Th không có thỏa thuận khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 26/01/2016 và khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 27/3/2016 như phía bà Th đã trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đòi nợ là các giấy vay tiền lập ngày 26/01/2016 và ngày 27/3/2016. Chị L xác định chị có vay của bà Th tiền nhưng không phải là hai lần vay như bà Th kiện đòi mà từ khoảng năm 2007 đến năm 2012 chị có vay của bà Th rất nhiều lần với mỗi lần vay số tiền là bao nhiêu, vào ngày nào cụ thể chị không nhớ được mà việc vay này đã được bà Th ghi vào quyển sổ ghi chép của bà Th. Bà Th cho chị vay với lãi suất cao 5000 đồng/ 1 triệu/ 01 ngày sau đó cộng dồn tiền gốc, tiền lãi và bắt vợ cH chị phải ký giấy vay tiền. Do không hiểu biết nên vợ cH chị đã ký vào các giấy vay tiền mà hiện nay bà Th dùng để làm chứng cứ khởi kiện vợ cH chị.

Chị L trình bày như vậy nhưng không có căn cứ để chứng minh cho việc chị khai từ năm 2007 đến năm 2012 có vay của bà Th số tiền tổng cộng khoảng 200.000.000 đồng. Chị L cũng trình bày và yêu cầu bà Th phải cung cấp quyển sổ mà chị cho rằng bà Th có ghi chép số tiền vay như chị khai nhưng bà Th cho rằng bà không có quyển sổ này nên ý kiến này của chị L không được chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị L cho rằng việc chị vay tiền của bà Th có cầm sổ đỏ của ông Phong do bà Toán đưa cho chị. Sau đó bà Toán phải đem trả cho bà Th số tiền 200.000.000 đồng để lấy sổ về, có nghĩa là việc này có cả bà Toán biết và làm chứng cho chị về việc chị không vay hai lần với mỗi lần số tiền 500 triệu mà bà Th kiện đòi. Về ý kiến này thì bà Toán cũng trình bày có đưa chị L sổ đỏ tên ông Phong, sau đó chị L đem sang cầm cho bà Th vay tiền và bà vì muốn rút sổ ra để trả cho ông Phong nên đã phải đem số tiền 200 triệu sang chuộc sổ từ bà Th. Bà Toán có khai như vậy nhưng bà Toán tại phiên tòa hôm nay khai không biết việc ghi nợ hai lần số tiền 500 triệu vào các ngày 26/01/2016 và ngày 27/03/2016 giữa bà Th với chị L như thế nào. Mặt khác thỏa thuận trong hai giấy vay nợ của chị L cũng chỉ có thể chấp sổ đỏ tên ông Sao, sổ đỏ tên ông Mậu chứ không có sổ nhà ông Phong ở trong đó nên lời khai của chị L cho rằng bà Toán làm chứng cho chị trong việc bị bà Th ép ký nhận hai lần với mỗi lần số tiền 500.000.000 đồng là không có căn cứ và không được chấp nhận.

Đối với lời khai của bà Th trình bày ngày 26/01/2016 có cho vợ cH chị L, anh H vay số tiền 500.000.000 đồng và ngày 27/3/2016 bà lại cho vợ cH chị L, anh H vay tiếp số tiền 500 triệu đồng nữa. Phía bà Th cung cấp được chứng cứ để chứng minh là giấy vay tiền lập ngày 26/01/2016 và giấy vay tiền lập ngày 27/3/2016 có chị L,

anh H ký nhận. Phía chị L, anh H cũng thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của vợ chồng chị. Như vậy lời khai của bà Th phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền được lập ngày 26/01/2016 và giấy vay tiền lập ngày 27/3/2016 giữa bà Th với chị L, anh H nên có căn cứ để xác định ngày 26/01/2016 giữa bà Th với chị L, anh H có thỏa thuận xác lập với nhau một hợp đồng vay tiền với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay cũng như lãi suất cho vay không xác định cụ thể. Cũng có căn cứ để xác định ngày 27/3/2016 giữa bà Th với chị L, anh H có thỏa thuận xác lập với nhau một hợp đồng vay tiền với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng cũng với thời hạn vay, lãi suất cho vay không xác định cụ thể và vợ chồng anh H, chị L đã nhận đủ số tiền hai lần vay. Phía bà Th xác định khoảng 05 tháng kể từ sau khi cho vay số tiền đầu tiên do chị L, anh H không trả tiền lãi nên bà đã đòi số tiền hai lần cho vay này. Như vậy xác định đối với 02 khoản vay này vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ Luật dân sự. Nay do chị L, anh H không trả bà Th số tiền đã vay nên yêu cầu khởi kiện của bà Th đòi vợ chồng chị L, anh H phải trả số tiền vay tổng cộng 1.000.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu tính lãi: Theo các giấy vay tiền mà hai bên đã ký thì có thỏa thuận lãi suất nhưng không rõ mức lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu %. Phía chị L thì cho rằng việc vay mượn tiền với số tiền gốc 200.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng bà Th không thừa nhận có thỏa thuận lãi như vậy. Chị L cũng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh có hai bên có thỏa thuận lãi suất như chị đã khai. Như vậy xác định hai bên có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 để tính lãi suất phải trả. Về thời điểm tính lãi phía bà Th xác định sau khi vay chị L, anh H chưa trả được đồng lãi nào nên thời gian tính lãi là từ ngày vay đến ngày xét xử vụ kiện:

Cụ thể khoản vay ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử 28/11/2019 là 46 tháng 2 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 46 \text{ tháng} 2 \text{ ngày} = 191.176.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay ngày 27/3/2016 đến ngày xét xử 28/11/2019 là 44 tháng 01 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 44 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 182.738.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền chị L, anh H phải trả cho bà Th là $1.000.000.000 \text{ đồng} + 191.176.000 \text{ đồng} + 182.738.000 \text{ đồng} = 1.373.914.000 \text{ đồng}$.

[3]. Về thỏa thuận thế chấp sổ đỏ: Phía bà Th xác định khi vay tiền chị L, anh H có thế chấp sổ đỏ đất của ông Bùi Văn Sao, ông Nguyễn Văn Mậu. Tuy nhiên cả bà Th, chị L, anh H và phía vợ chồng ông Sao, bà Hương, ông Tòng (em ông Mậu) đều thừa nhận đây chỉ là việc chị L đưa sổ đỏ cho bà Th giữ để làm tin mà các bên không có thỏa thuận cụ thể nào khác. Nhất là phía vợ chồng ông Sao, bà Hương, phía ông Tòng không có thỏa thuận gì với bà Th, với chị L. Hình thức về thủ tục trình tự thế chấp tài sản quyền sử dụng đất cũng không đúng với quy định của pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất nên thỏa thuận thế chấp này không có hiệu lực pháp luật. Do vậy phía bà Th đang giữ sổ đỏ đất nhà ông Sao, bà Hương, giữ sổ đỏ đất tên ông

Mậu (do ông Tòng đại diện) thì phải trả lại cho vợ chồng ông Sao, bà Hương, trả cho ông Tòng số đồ đất này.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí, chị L, anh H phải chịu án phí của số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đòi chị Chu Thị L, anh Nguyễn Văn H phải trả nợ số tiền đã vay.

2. Buộc chị Chu Thị L, anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) theo các giấy vay tiền lập ngày 26/01/2016 và giấy ngày 27/03/2016 giữa bà Th với chị L, anh H và số tiền lãi là 373.914.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm mười bốn ngàn đồng), tổng cộng số tiền cả gốc và lãi chị L, anh H phải trả bà Th là 1.373.914.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm mười bốn ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại vợ chồng ông Sao, bà Hương 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27 đất thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có số AB612855, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02308 ngày 25/11/2009 của UBND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại ông Nguyễn Văn Tòng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 240m² tại thôn Mai Thôn, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000742/QSĐĐ/QĐ 333 QĐUBH ngày 29/10/2000 của UBND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

* Về án phí: Bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà Th số tiền 24.825.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002882 ngày 27/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Chị L anh H phải chịu 54.695.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây